

Số: /BC-TVD

Tây Hồ, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2026

*Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DU

2. Địa chỉ:

- Thôn An Mỹ, Xã Tây Hồ, Thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại:

- Website: <http://tranvandudanang.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập cấp THPT, trực thuộc Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường học tập về nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Đào tạo ra những thế hệ học sinh vừa hồng, vừa chuyên có đầy đủ năng lực, đạo đức để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

4.2. Tầm nhìn: Tiếp tục phấn đấu giữ vững thành tích, phấn đấu đến năm 2030 sẽ khẳng định vị thế của nhà trường có chất lượng giáo dục tốt, là nơi học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện có khát vọng vươn tới đỉnh cao, là nơi giáo viên mong muốn được công tác ở trường.

*** Giá trị cốt lõi**

Tình đoàn kết - Lòng nhân ái

Tinh thần trách nhiệm - Sự hợp tác.

Tính trung thực - Khát vọng vươn lên.

Sáng tạo - Năng động.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có chất lượng và hiệu quả cao, có mô hình giáo dục, hướng đến thân thiện, hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, có uy tín và chất lượng cao, tạo được niềm tin ở cha mẹ học sinh và của các cấp lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể.

Phát triển toàn diện Đức, Trí, Văn, Thể, Mỹ. Hình thành phẩm chất, nhân cách, năng lực công dân. Tìm tòi, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Trong giáo dục không những dạy chữ mà còn dạy kiến thức kỹ năng, kết hợp giáo dục lý tưởng truyền thống. Trang bị kiến thức ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm phát triển khả năng sáng tạo và tự học.

Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, xây dựng trường học thân thiện, tạo ra môi trường lành mạnh cho học sinh phát huy khả năng học tập và rèn luyện.

Xây dựng đội ngũ vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, có tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập của học sinh trên các mặt “Đức - Trí - Văn - Thể - Mỹ”; giáo dục học sinh các đức tính: trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, năng động thích nghi với môi trường; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ cơ sở vật chất để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh; tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường THPT tiên tiến, hiện đại, thúc đẩy địa phương phát triển nhanh, mạnh, bền vững phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào năm 2030.

4.3.2. Mục tiêu cụ thể

Tăng cường sự lãnh đạo của Cấp ủy, Chi bộ, phát huy sức mạnh hệ thống chính trị của cơ sở trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng khối đoàn kết trong đội ngũ và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tất cả hướng đến sự ổn định, phát triển của đơn vị. Tiếp tục hoàn thiện các nội qui, quy chế, qui trình tổ chức quản lý, quản trị nhà trường, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở, các quy định về đạo đức nhà giáo, quy tắc ứng xử trường học, xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, Cán bộ quản lý, giáo

viên gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ. Khuyến cáo, ngăn ngừa các sai phạm quy chế, quy định về chuyên môn; kiên quyết xử lý các trường hợp sai phạm quy chế, quy định khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong năm học.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường, thực hiện giám sát, đánh giá, ghi nhận các phản ánh, ý kiến của người học và gia đình người học để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

Triển khai và thực hiện tốt chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018: tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tiếp tục học bồi dưỡng chuyên môn theo Chương trình mới.

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. Xây dựng tập thể sư phạm “kỷ cương, nề nếp, trách nhiệm, đạo đức và tri thức, đoàn kết và nghĩa tình”; hoàn thành tốt công tác chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức học sinh, xây dựng nhà trường là môi trường văn hoá, dân chủ, từng bước xây dựng trường học hạnh phúc.

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất; bảo đảm an toàn trường học; rà soát các phương án đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh, thực hiện tốt công tác phòng chống tai nạn thương tích, chống đuối nước, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh. Trong công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục.

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của người học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong thực tiễn; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, lồng ghép định hướng nghề nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng hoạt động trải nghiệm thực tiễn, nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh, thực hiện Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020 - 2030”. Giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội và thực hành pháp luật.

Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học và quản lý giáo dục; thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy, học; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động dạy học trực tuyến, làm nền tảng để xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của học sinh và nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

Tích cực triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên; nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc tổ chức, phối hợp giáo dục học sinh. Tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thiện bồi dưỡng theo yêu cầu của tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, dân chủ, an toàn, chất lượng và bình đẳng; tăng cường các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ

lên lớp. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành, thành phố.

Tập trung đầu tư và xây dựng chính sách phù hợp cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; phụ đạo học sinh yếu để nâng cao chất lượng mũi nhọn và giảm thiểu học sinh lưu ban, bỏ học. Nâng cao tỷ lệ bình quân điểm số các bộ môn thi tốt nghiệp THPT.

Tăng cường xã hội hóa cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; phát huy hiệu quả hoạt động Hội khuyến học và thu hút, huy động mọi nguồn để góp phần xã hội hóa giáo dục đúng luật và hiệu quả.

Học sinh được phát triển toàn diện các mặt:

Về tư tưởng chính trị: giáo dục lòng yêu nước yêu chủ nghĩa xã hội, trang bị nền tảng thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan cách mạng, có ý thức công hiến phấn đấu cho lý tưởng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Về đạo đức: Giáo dục các em để trở thành những công dân gương mẫu, có lối sống trong sạch lành mạnh, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; đủ bản lĩnh đấu tranh chống cái xấu, tránh xa các tệ nạn xã hội.

Về kiến thức văn hóa: Các em được trang bị những kiến thức theo chương trình phổ thông của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình học tập, các em được rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, độc lập, sáng tạo, tập làm quen với công tác nghiên cứu khoa học và được định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và nhu cầu xã hội.

Về thể chất: Học sinh được rèn luyện thân thể, bảo đảm sức khỏe để sinh hoạt và học tập, ngoài ra còn có thể tham gia các môn thể thao khác mà các em yêu thích, đáp ứng nhu cầu vận động giải trí của các em.

Về thẩm mỹ: Các em được trang bị những kiến thức cơ bản để nhận thức đúng đắn về cái đẹp, có thể thưởng thức cái đẹp trong cuộc sống nói chung và trong các lĩnh vực âm nhạc, hội họa, nhiếp ảnh, điện ảnh ... nói riêng một cách có văn hóa. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia sinh hoạt các câu lạc bộ để rèn luyện thêm kỹ năng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT Trần Văn Dư được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 01 tháng 09 năm 2000 của UBND tỉnh Quảng Nam với tên gọi là Trường PTTH Trần Văn Dư; Quyết định số 128/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sau khi hợp nhất Sở GD&ĐT Quảng Nam và Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng.

Tính đến năm 2025, trường đã có 25 năm xây dựng và phát triển. Trong suốt chặng đường ấy, nhà trường đã không ngừng phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, thực hiện tốt nhiệm vụ góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương, đất nước.

Năm học đầu tiên (2000-2001) trường chỉ có 8 lớp. Đội ngũ có 14 giáo viên và 4 nhân viên hành chính, đến nay nhà trường có cơ ngơi khang trang, điều kiện trường lớp

học cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Nhà trường cũng không ngừng phát triển về quy mô và số lượng học sinh (HS), năm học 2025-2026 nhà trường có 18 lớp với 719 HS. Nhà trường hiện có 51 cán bộ giáo viên, nhân viên, trong đó: Ban Giám hiệu 03, giáo viên 41, nhân viên 07; số giáo viên có trình độ thạc sĩ 01, nhiều năm liền trường đạt danh hiệu trường hoàn thành tốt nhiệm vụ, được nhận bằng khen của các cấp. Nhà trường được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2018.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Phan Thị Mỹ Thanh-Hiệu trưởng Trường THPT Trần Văn Dư, Thôn An Mỹ, xã Tây Hồ, Thành phố Đà Nẵng.

Số điện thoại: 0935947156

Địa chỉ thư điện tử: mythanh.c3tvd@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 01 tháng 09 năm 2000 của UBND tỉnh Quảng Nam với tên gọi là Trường PTTH Trần Văn Dư

- Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sau khi hợp nhất Sở GD-ĐT tỉnh Quảng Nam và Thành phố Đà Nẵng

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 151/QĐ-SGDĐT¹ ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Sở Giáo dục Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý;

- Quyết định số 319/QĐ-SGDĐT² ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Sở Giáo dục Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý;

- Quyết định số 296/QĐ-SGDĐT³ ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Sở Giáo dục Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

¹ Bổ nhiệm hiệu trưởng;

² Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng;

³ Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Quy chế Tổ chức và Hoạt động: Trường THPT Trần Văn Dư là cơ sở giáo dục phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng, chịu sự quản lý trực tiếp về chuyên môn, tổ chức, nhân sự và tài chính từ Sở. Nhà trường tổ chức và vận hành theo quy định của *Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học* do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cùng các quy định pháp luật hiện hành.

- Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm: Hội đồng trường, Ban BGH (01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng), các Tổ chuyên môn (Toán-GDTC; Vật lý; Hóa học; Sinh-Tin; Văn-Sử-Địa; Ngoại ngữ), Tổ Văn phòng-HCQT, cùng các tổ chức Đảng, Đoàn thể (Chi bộ Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh) phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo kỷ cương, chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện.

- Chức năng: Trường THPT Trần Văn Dư có chức năng tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương xã Tây Hồ và thành phố Đà Nẵng.

- Nhiệm vụ và Quyền hạn

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch: Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường; tổ chức dạy và học theo chương trình, kế hoạch giáo dục của Bộ và chỉ đạo của Sở GDĐT Thành phố Đà Nẵng.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên và học sinh: Huy động, tiếp nhận, quản lý và tổ chức cho học sinh học tập; quản lý, tuyển dụng, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định.

+ Đánh giá và kiểm định chất lượng: Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá xếp loại học sinh và giáo viên theo tiêu chuẩn quốc gia.

+ Huy động nguồn lực & Cơ sở vật chất: Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài sản, cơ sở vật chất và nguồn tài chính; chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp xã hội hóa giáo dục để phát triển nhà trường.

+ Tự chủ và Trách nhiệm giải trình: Thực hiện quyền tự chủ theo quy định của pháp luật; phối hợp với gia đình, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn để thực hiện mục tiêu giáo dục và chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý chuyên môn cùng xã hội.

đ) Quyết định thành lập đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc	Nhiệm vụ
1	Phan Thị Mỹ Thanh	Hiệu trưởng	0935947156	mythanh.c3tv d@gmail.com	Xã Tây Hồ, thành phố Đà Nẵng	Phụ trách chung
2	Nguyễn Ngọc Sáng	Phó hiệu trưởng	0982223678	nguyenngocsa ngs@gmail.com	Xã Tây Hồ, thành phố Đà Nẵng	Phụ trách chuyên môn
3	Nguyễn Thanh Việt	Phó hiệu trưởng	0935642685	thanhviet1909 77@gmail.com	Xã Tây Hồ, thành phố Đà Nẵng	Phụ trách cơ sở vật chất, quản lý nền nếp học sinh

8. Các văn bản của cơ sở giáo dục:

TT	Văn bản	Link
1	Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035	http://tranvandudanang.edu.vn/wp-content/uploads/2026/04/175_-Ke-hoach-chien-luoc-xay-dung-phat-trienm-nha-truong-G%C4%90-2025-2030-VA-TAM-NHIN-%C4%90EN-NAM-2035_0001.pdf
2	Quyết định ban hành Quy chế dân chủ cơ sở, năm học 2025-2026	http://tranvandudanang.edu.vn/wp-content/uploads/2025/11/167_Q%C4%90-Ban-h%C3%A0nh-qui-ch%E1%BA%BF-d%C3%A2n-ch%E1%BB%A7-c%C6%A1-s%E1%BB%9F-NH-2025-2026_1.pdf
3	Quyết định ban hành Quy chế thực hiện công khai của nhà trường năm học 2025-2026	https://tranvandudanang.edu.vn/wp-content/uploads/2025/10/Quy-che%CC%82%CC%81-co%CC%82ng-khai-theo-TT09.pdf
4	Kế hoạch giáo dục của nhà trường, năm học 2025-2026	http://tranvandudanang.edu.vn/wp-content/uploads/2025/10/46_-KE-HOACH-GIAO-DUC-NHA-TRUONG-NH-2025_2026_0001.pdf

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng và trình độ đào tạo theo nhóm vị trí việc làm

STT	Nhóm vị trí việc làm / Chức danh	Tổng số (Người)	Trình độ được đào tạo (Người)						Ghi chú
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	
A	CÁN BỘ QUẢN LÝ	3		1	2				
1	Hiệu trưởng / Giám đốc	1		1					
2	Phó Hiệu trưởng / Phó Giám đốc	2			2				
B	ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN								
1	Giáo viên chuyên trách/trực tiếp dạy	41			41				
2	Giáo viên kiêm nhiệm								
C	NHÂN VIÊN	6							
1	Kế toán	1							
2	Văn thư, Thủ quỹ	1							
3	Y tế học đường								
4	Thiết bị, Thư viện, Công nghệ thông tin	2							
5	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật								
6	Nhân viên khác (Bảo vệ, Mẫu đường,...)	2							
TỔNG CỘNG		50							

2. Đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp / đánh giá hằng năm

STT	Đối tượng	Tổng số đánh giá	Đạt Chuẩn Nghề nghiệp / Kết quả đánh giá hằng năm				Chưa đạt chuẩn / Chưa hoàn thành NV
			Tốt	Khá	Đạt	Tỷ lệ Đạt chuẩn (%)	Số lượng (Người)
1	Cán bộ quản lý	3	3				0
2	Giáo viên	41	41				

3	Nhân viên (áp dụng cho GDTX)						
---	------------------------------	--	--	--	--	--	--

3. Kết quả hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

STT	Đối tượng	Tổng số phải bồi dưỡng (Người)	Số lượng hoàn thành bồi dưỡng (Người)	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Ghi chú các chương trình BD chính (BD Thường xuyên, BD Lý luận, BD Chức danh nghề nghiệp...)
1	Cán bộ quản lý				
2	Giáo viên				
3	Nhân viên				

4. Đối sánh số liệu với năm trước liền kề

STT	Chỉ tiêu so sánh	Năm trước liền kề (N-1)	Năm báo cáo (N)	Tăng / Giảm (+/-)	Ghi chú lý do biến động (Tuyển dụng, Nghỉ hưu, Chuyển công tác, Nâng chuẩn...)
1	Tổng số Cán bộ, Giáo viên, Nhân viên	50	50	0	
2	Tỷ lệ Giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên (%)	100	100	0	
3	Tỷ lệ Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp Khá/Tốt (%)	100	100	0	
4	Tỷ lệ CB, GV, NV hoàn thành bồi dưỡng hằng năm (%)	100	100	0	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	10 m ² /HS
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	2	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	4	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1,1	
8	Bình quân học sinh/lớp	40	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	17.966,24	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1000	
VI	Tổng diện tích các phòng (m²)	8.400	
1	Diện tích phòng học (m ²)	6.800	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1.600	
3	Diện tích thư viện (m ²)	400	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	500	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	874	87 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	874	51 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 10	286	1,28 bộ/HS
1.2	Khối lớp 11	292	1,28 bộ/HS
1.3	Khối lớp 12	296	1,37 bộ/HS
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	0,5
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Ti vi	14	0,82
2	Cát xét	4	Dùng chung
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	Dùng chung
5	Bảng thông minh	1	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	1,2
2	Cát xét	4	Dùng chung
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Bảng thông minh	1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)			
X	Nhà bếp	0			
XI	Nhà ăn	0			
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0	
XIII	Khu nội trú	0	0	0	
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh
			Nam	Nữ	Chung Nam, Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	2	2	400 0,6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	

	Nội dung	Có	Không
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC: Kết quả cụ thể thực hiện các tiêu chí như sau:

I. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường (Đạt mức 3)
2. Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác (Đạt mức 2)
3. Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường (Đạt mức 3)
4. Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng (Đạt mức 2)
5. Tiêu chí 1.5: Lớp học (Đạt mức 2)
6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản (Đạt mức 3)
7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên (Đạt mức 2)
8. Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục (Đạt mức 2)
9. Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở (Đạt mức 2)
10. Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học (Đạt mức 2)

* KL1: Tiêu chuẩn 1 về Tổ chức và quản lý nhà trường có 10 tiêu chí: Qua khảo sát và đánh giá sơ bộ trường đạt 10/10 tiêu chí. Trong đó có 03 tiêu chí đạt mức 3 và 7 tiêu chí đạt mức 2.

II. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

1. Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (Đạt mức 3)
2. Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên (Đạt mức 3)
3. Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên (Đạt mức 3)
4. Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh (Đạt mức 3)

* KL2: Tiêu chuẩn 2 về Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh có 4 tiêu chí: Qua khảo sát sơ bộ: Trường đạt 4/4 tiêu chí ở mức 3.

III. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

1. Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập (Đạt mức 2)
2. Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập (Đạt mức 2)

3. Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị (Đạt mức 2)
4. Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước (Đạt mức 2)
5. Tiêu chí 3.5: Thiết bị (Đạt mức 2)
6. Tiêu chí 3.6: Thư viện (Đạt mức 3)

* KL3: Tiêu chuẩn 3 về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học có 6 tiêu chí: Qua khảo sát, đánh giá sơ bộ trường có 6/6 tiêu chí đạt (Đạt mức 2).

IV. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh (Đạt mức 2)
2. Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường (Đạt mức 2).

* KL4: Tiêu chuẩn 4 về Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội có 2 tiêu chí: Qua khảo sát, đánh giá sơ bộ trường 2/2 tiêu chí đạt (mức 2).

V. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

1. Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (Đạt mức 3)
2. Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện (Đạt mức 3)
3. Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định (Đạt mức 2)
4. Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp (Đạt mức 2)
5. Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh (Đạt mức 2).
6. Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục (Đạt mức 3)

* KL5: Tiêu chuẩn 5 về Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục có 6 tiêu chí: Qua khảo sát, đánh giá sơ bộ trường 6/6 tiêu chí đạt (trong đó 3 tiêu chí đạt mức 3 và 3 tiêu chí đạt mức 2).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật;

TT	Nội dung	Ghi chú
1	Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026: 194/9195	
2	Tổng số học sinh, số lớp: 717; 18 lớp. Trong đó:	

TT	Nội dung	Ghi chú
	Khối 10: 194; 5 lớp, số học sinh bình quân/lớp: 38 Khối 11: 268; 7 lớp, số học sinh bình quân/lớp: 38 Khối 12: 247; 6 lớp, số học sinh bình quân/lớp: 41	
3	Nam / Nữ: 382 / 326 Học sinh là người dân tộc thiểu số: Học sinh khuyết tật: 04	
4	Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: Chuyển trường: Tiếp nhận: 01	11/4 Nguyễn Thị Trà My

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp; Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	706	192	267	247
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	93.63%	94.79%	89.51%	97.17%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	4.39%	4.17%	6.37%	2.43%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	1.56%	0.52%	3.75%	0.00%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.42%	0.52%	0.37%	0.40%
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	706	192	267	247
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	28.05%	20.83%	20.97%	41.30%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	54.39%	59.90%	53.93%	50.61%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	17.14%	18.75%	24.72%	7.69%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.42%	0.52%	0.37%	0.40%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	706	192	267	247

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	99.58%	99.48%	99.63%	99.60%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	2.41%	0.52%	1.50%	4.86%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	25.64%	20.31%	19.48%	36.44%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.42%	0.52%	0.37%	0.40%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	25	0	0	25
1	Cấp tỉnh/ thành phố	25	0	0	25
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	246	0	0	246
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	246	0	0	246
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nữ	382	103	138	141
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	1	0	4

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

**BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC
RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC (Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-TVD ngày 15/7/2026 của trường Trần Văn Dư)**

Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán năm nay		Dự toán được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng		Dự toán giữ lại	Dự toán còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(1)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)-(7)
12				1,486,569,000	3,497,599,000	3,497,599,000	3,497,599,000	866,683,506	866,683,506		2,630,915,494
	074			1,486,569,000	3,497,599,000	3,497,599,000	3,497,599,000	866,683,506	866,683,506		2,630,915,494
				1,486,569,000	3,497,599,000	3,497,599,000	3,497,599,000	866,683,506	866,683,506		2,630,915,494
13				12,392,170,000	12,342,170,000	12,342,170,000	12,342,170,000	5,953,041,891	5,953,041,891		6,389,128,109
	074			12,392,170,000	12,342,170,000	12,342,170,000	12,342,170,000	5,953,041,891	5,953,041,891		6,389,128,109
				12,392,170,000	12,342,170,000	12,342,170,000	12,342,170,000	5,953,041,891	5,953,041,891		6,389,128,109
18				597,000,000	597,000,000	597,000,000	597,000,000				597,000,000
	074			597,000,000	597,000,000	597,000,000	597,000,000				597,000,000
				597,000,000	597,000,000	597,000,000	597,000,000				597,000,000
28										99,000,000	
	074									99,000,000	
										99,000,000	
Cộng:				14,475,739,000	16,436,769,000	16,436,769,000	16,436,769,000	6,819,725,397	6,819,725,397	99,000,000	9,617,043,603

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số

CBQL, giáo viên tham gia lớp tập huấn phát triển năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo do Sở GDĐT tổ chức. Sau tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai tập huấn lại cho toàn đội ngũ giáo viên nhà trường, các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn hiện xây dựng kế hoạch lồng ghép của tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch bài dạy đảm bảo kế hoạch đề ra. Trong quá trình thực hiện, một số giáo viên đã tích cực ứng dụng hiệu quả Trí tuệ nhân tạo (AI) và triển khai trong thực hiện nhiệm vụ dạy học như: Ứng dụng công nghệ AI trong dạy kỹ năng nói tiếng Anh cho học sinh (bộ môn tiếng Anh); phát triển năng lực truyền thông số cho học sinh thông qua hoạt động thiết kế infographic tuyên truyền an toàn thông tin bằng Inkscape (bộ môn Tin học)..., được xem là những sáng kiến kinh nghiệm hiệu quả cấp trường, tiếp tục đề xuất áp dụng và nhân rộng ở một số đơn vị có cùng điều kiện.

Nhà trường đã triển khai học bạ số từ năm học 2024-2025 và tiếp tục thực hiện trong năm học 2025-2026. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường hoàn thành các modul bình dân học vụ số trên Cổng thông tin “Bình dân học vụ số” thành phố.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về văn hóa học đường

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 212/KHPPH-TVD-CA ngày 04/12/2025 phối hợp trong công tác phòng, chống bạo lực học đường; phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm, tệ nạn xã hội xảy ra trong các cơ sở giáo dục nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; Quyết định số 248/QĐ-TVD ngày 02/10/2025 về ban hành quy tắc ứng xử trong trường học; kế hoạch số 79/KH-TVD ngày 08/5/2026 về phòng chống bạo lực học đường năm học 2025-2026.

Nhà trường đã chủ động xây dựng và ban hành sớm, ngay từ đầu năm học **Bộ quy tắc ứng xử** văn hóa trong trường học; phổ biến, quán triệt kịp thời đến 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Trong quá trình thực hiện, thường xuyên tăng cường tuyên truyền các giá trị: tôn trọng, trách nhiệm, đoàn kết, kỷ cương trong nhà trường.

Nội dung giáo dục văn hóa học đường được lồng ghép thông qua các hoạt động tập thể tập trung như chào cờ, sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp và các hoạt động trải nghiệm khác. Các tổ chuyên môn lựa chọn nội dung ngoại khóa phù hợp với môn học, vừa góp phần củng cố kiến thức môn học cho học sinh, vừa góp phần nâng cao nhận thức, ứng xử văn hóa, văn minh trong học sinh như: Tổ Sinh-Tin ngoại khóa vẽ tranh và thuyết trình với chủ đề “**Nói không với khói thuốc-Bảo vệ lá phổi, vững tương lai**” cho học sinh toàn trường; Tổ Ngoại ngữ ngoại khóa với nội dung thiết kế thời trang tái chế và thuyết trình bằng tiếng Anh cho học sinh khối 10, 11; Tổ Vật lý-Công nghệ ngoại khóa “Chế tạo tên lửa nước”; Tổ Văn-Sử-Địa ngoại khóa Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam...

Đẩy mạnh tuyên truyền trực quan thông qua hệ thống pano, khẩu hiệu, sân khấu hóa các hoạt động ngoại khóa tổ chuyên môn và các kênh truyền thông nội bộ của nhà trường.

Nề nếp lao động tập thể định kỳ được duy trì hằng tuần, tháng; triển khai hiệu quả mô hình "Lớp học tự quản" và phân công chăm sóc bồn hoa, cây cảnh cụ thể cho từng chi đoàn/lớp. Qua đó, cảnh quan sư phạm được cải thiện rõ rệt (Xanh – Sạch – Đẹp); ý thức giữ gìn vệ sinh chung và bảo vệ môi trường của học sinh có sự chuyển biến tích cực.

Kết quả:

- Ý thức chấp hành nội quy trường lớp của học sinh có chuyển biến tích cực; tinh thần đoàn kết, ứng xử văn minh đa số học sinh trong nhà trường được nâng lên. Trong năm học, nhà trường không xảy ra các vụ việc liên quan bạo lực học đường. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít học sinh chưa thật sự tự giác trong việc thực hiện nội quy, nhà trường tiếp tục tăng cường công tác giáo dục trong thời gian đến.

- Phối hợp với Công an địa phương tổ chức các buổi ngoại khóa tuyên truyền nâng cao nhận thức cho học sinh về các vấn đề: Phòng, chống bạo lực học đường; phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm, tệ nạn xã hội; an toàn giao thông đường bộ, đường sắt; an ninh mạng; công tác PCCC, CNCH... nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, nâng cao giáo dục pháp luật cho học sinh;

- Phối hợp với Chi cục Dân số-KHHGĐ thành phố Đà Nẵng tuyên truyền nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, giảm thiểu tình trạng mang thai ngoài ý muốn cho vị thành niên, thanh niên; phối hợp với Trạm Y tế xã Tây Hồ triển khai chăm sóc sức khỏe học đường; Phòng chống dịch bệnh; vệ sinh an toàn thực phẩm... Qua đó góp phần nâng cao nhận thức của học sinh về chăm sóc sức khỏe; Công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả; Đảm bảo môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho học sinh.

3. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi: Nhà trường đã tổ chức các cuộc thi cấp trường, như:

- Giải thể thao học sinh/Hội khỏe Phù Đổng: Tổ chức từ tháng 10 đến tháng 12/2025 với các môn/nội dung thi đấu như: Bóng bàn, Bóng đá (nữ), Điền kinh, tạo phong trào thi đua sôi nổi trong nhà trường; chọn cử đoàn học sinh tham gia dự thi Giải thể thao học sinh thành phố Đà Nẵng với 02 nội dung Cờ vua và Điền kinh. Kết quả: Đạt 01 Huy chương đồng nội dung 100 m.

- Giáo viên dạy giỏi các bộ môn: Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 169/KH-TVD, ngày 24 tháng 10 năm 2025 và tổ chức triển khai thực hiện. Có 08 giáo viên tham gia dự thi và được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường ở các bộ môn: Toán (1), Vật lí (1), Hóa học (1), Tin học (1), Công nghệ (1), Ngoại ngữ (2), Ngữ văn (1)

- Thi KHKT: Có 01 dự án/đề tài tham gia dự thi cấp thành phố;

- Thi học sinh giỏi cấp thành phố: Thành lập đoàn dự thi với 37 học sinh ở 09 bộ môn. Kết quả có 25 học sinh đạt giải (05 Nhì, 05 Ba và 15 Khuyến khích), chiếm tỷ lệ 67,57%, cao nhất từ trước đến nay.

- Tổ chức Cuộc thi Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường cấp trường và gửi 01 bài dự thi cấp thành phố.

- Phát động và tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi IOE các cấp (Trường, thành phố và quốc gia)

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2026 của Trường THPT Trần Văn Dư./.

Nơi nhận:

-Sở GDĐT;

-Công khai trên website;

-Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Mỹ Thanh